

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CTY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU QUÝ 2 NĂM 2023**

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công ty

Ban Kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru; hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru quý 2 năm 2023 như sau:

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Quý 2 năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có các hoạt động sau:

- Công văn bổ sung làm rõ phương án tái cấu trúc của công ty trình Tập đoàn.
- Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty.
- Chấp thuận chủ trương thanh lý và phê duyệt giá bán thanh lý tài sản số định.

**II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty**

**1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2023**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 2 2022	6 tháng đầu năm	Năm 2023		6 tháng đầu năm	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Quý 2		TH/KH	2023/2022
<b>I. Sản lượng sản xuất</b>	Quả	302,411	582,323	1,136,000	247,733	548,118	21.81%	81.92%
- Bóng cao su	"	256,456	499,271	950,000	184,494	426,894	19.42%	71.94%
- Bóng khâu	"	13,067	23,995	48,000	20,067	34,230	41.81%	153.57%
- Bóng dán	"	32,888	59,057	138,000	43,172	86,994	31.28%	131.27%
<b>II. Sản lượng tiêu thụ</b>	Quả	305,829	582,735	1,136,000	190,605	488,659	16.78%	62.32%
- Nội địa	"	201,769	333,704	677,000	120,631	281,765	17.82%	59.79%
- Xuất khẩu	"	104,060	249,031	459,000	69,974	206,894	15.24%	67.24%
- Cao su	Tấn	-	100.80	300	101	201.60	33.60%	
<b>III. Kết quả kinh doanh</b>								
<b>1. Doanh thu</b>		20,532,703	42,658,789	87,459,958	19,076,975	43,822,655	21.81%	92.91%
+ Doanh thu bán hàng	1.000đ	21,463,860	44,417,283	91,980,000	20,026,803	46,088,061	21.77%	93.30%
Doanh thu bóng thể thao	1.000đ	20,929,596	39,437,739	80,500,000	16,911,770	38,791,411	21.01%	80.80%
+ Doanh thu tài chính	"	59,660	60,183	-	15,658	21,472		26.25%
+ Thu nhập khác	"	-	-	-	36,363	36,363		
- Các khoản giảm trừ doanh thu		(990,817)	(1,818,677)	(4,520,042)	(1,001,849)	(2,323,241)	22.16%	101.11%
<b>2. Chi phí</b>		20,112,673	41,852,698	85,709,958	18,647,738	43,020,338	21.76%	92.72%
a. Giá vốn hàng bán	"	15,596,256	33,843,301	65,632,958	14,253,370	34,230,195	21.72%	91.39%
Giá vốn hàng thể thao	"	15,444,361	29,256,206	53,132,958	10,873,769	27,393,396	20.47%	70.41%
b. Chi phí bán hàng	"	1,324,060	2,219,753	7,510,000	1,204,613	2,428,373	16.04%	90.98%
c. Chi phí QLDN	"	3,034,345	5,468,887	11,817,000	2,978,583	6,066,983	25.21%	98.16%
d. Chi phí tài chính	"	158,012	320,757	750,000	102,138	185,753	13.62%	64.64%
e. Chi phí khác	"				109,034	109,034		
<b>3. Lợi nhuận trước thuế</b>	:	420,030	806,091	1,750,000	429,237	802,317	24.53%	102.19%
<b>4. Thuế TNDN 20%</b>	"	84,006	161,218	350,000	85,847	160,463	24.53%	102.19%
<b>5. Lợi nhuận sau thuế</b>	"	336,024	644,873	1,400,000	343,390	641,854	24.53%	102.19%

\* Sản lượng sản xuất quý 2/2023 đạt 21,81% kế hoạch năm bằng 81,92% so với cùng kỳ năm 2022.

- Trong các sản phẩm sản xuất tại Công ty sản phẩm bóng dán, bóng khâu tăng cụ thể: tăng 7.000 quả bóng khâu, tăng 53,57% so với cùng kỳ năm 2022 và bằng 41,81% so với kế hoạch năm 2023; tăng 10.284 quả bóng dán, tăng 31,27% so với cùng kỳ 2022 và bằng 31,28% kế hoạch năm 2023.

- Sản phẩm cao su của công ty giảm 72.377 quả, giảm 28,06% so với cùng kỳ năm 2022, bằng 19,42% so với kế hoạch năm 2023.

Tình hình sản xuất đạt được 21,81% kế hoạch năm do trong quý 2 tình hình đơn hàng xuất khẩu và nội địa đều khó khăn, một số công đoạn sản xuất công nhân bắt đầu nghỉ luân phiên làm việc 5 ngày/tuần do đó sản lượng sản xuất giảm nhưng lượng hàng tồn kho tăng cao hơn so với cùng kỳ.

- Trong quý 2/2023 công ty đang đưa sản phẩm bóng dán đi gia công tại các điểm gia công Đồng Nai, Tiền Giang và Hà Tĩnh. Ngoài ra, Ban điều hành công ty tiếp tục cải tiến công nghệ, giảm thời gian lưu hóa, kiểm soát tốt trọng lượng bóng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nhằm giảm tỷ lệ hư hỏng đến mức thấp nhất. Cụ thể:

**Phế phẩm trong quá trình sản xuất quý 2/2023 đối với bóng cao su như sau:**

+ Ruột chưa vá (hư hỏng lần đầu chưa khắc phục) là: 11.870 cái với tỷ lệ hư là 4,66% giảm 0,61% so với quý 1 năm 2023, tỉ lệ hư hỏng sau khi khắc phục lỗi là 3.790 cái với tỉ lệ hư là: 1,49% giảm 0,45%, so với quý 1 năm 2023.

+ Bóng hủy, bóng B là: 3.394 quả , tỷ lệ hủy là 1,6% tăng 0,1% so với quý 1 năm 2023.

+ Chi phí cho sản phẩm hư, xì ruột và thành phẩm quý 2/2021 là: 152.927.818 đồng giảm 17.664.510 đồng so với quý 1 năm 2023.

**Phế phẩm trong quá trình sản xuất bóng dán quý 2 với tổng chi phí: 25.692.363 đồng cụ thể như sau:**

+ Ruột hư xì tại bóng dán: 558 cái, giảm 67 cái so với quý 1/2023

+ Trung thai hư, xì : 654 cái tăng 1047 cái so với quý 1/2023

+ Bóng thành phẩm hủy: 47 quả giảm 28 quả so với quý 1/2023

\* Sản lượng tiêu thụ quý 2/2023 đạt 16,78% kế hoạch năm, bằng 62,32% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó: + Xuất khẩu đạt 15,24% kế hoạch năm, giảm 32,76% so với cùng kỳ 2022

+ Nội địa đạt 17,82% kế hoạch năm, giảm 49,21% so với năm 2022.

Từ các số liệu trên cho thấy quý 2/2023 sản lượng tiêu thụ cả nội địa chưa đạt kế hoạch quý do chuyển đổi cơ cấu từ bóng cao su sang bóng dán nhằm tăng lợi nhuận cho công ty, và xuất khẩu không đạt kế hoạch đề ra.

\* Doanh thu quý 2/2023 là: 20,026 tỷ đồng, đạt 21,77% kế hoạch năm bằng 93,3% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó doanh thu bóng giảm 19,2% so với cùng kỳ 2022 tương đương giảm 4,12 tỷ đồng so với cùng kỳ quý 2/2022.

\* Lợi nhuận quý 2/2023 là: 429 triệu đồng bằng 24,53% kế hoạch, bằng 102,19% so với cùng kỳ 2022, các nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Giá vốn hàng bán của sản phẩm hàng thể thao giảm 29,59% so với năm 2022 trong khi đó doanh thu giảm 19,2% dẫn đến lợi nhuận gộp từ hàng bóng thể thao tăng.

+ Chi phí bán hàng:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 2	Lũy kê	Quý 2	Lũy kê	Quý 2-2023/2022	TH/KH	TH/2022
Chi phí nhân viên	1,633.943	470.629	773.054	391.130	789.464	83.1%	23.9%	102.1%
Vật liệu bao bì	3,066.856	298.541	510.099	255.369	544.404	85.5%	8.3%	106.7%
Dụng cụ, đồ dùng	50.000	0.000	15.000	0.000	0.000		0.0%	0.0%
Chi phí quảng cáo, hoa hồng	1,260.000	53.751	106.875	3.442	111.150	6.4%	0.3%	104.0%
Chi phí bằng tiền	207.601	148.419	251.362	251.992	400.024	169.8%	121.4%	159.1%
Chi phí vận chuyển	1,291.600	352.720	563.363	294.295	583.330	83.4%	22.8%	103.5%
<b>Cộng</b>	<b>7,510.000</b>	<b>1,324.060</b>	<b>2,219.753</b>	<b>1,196.228</b>	<b>2,428.372</b>	<b>90.3%</b>	<b>15.9%</b>	<b>109.4%</b>

Tổng chi phí bán hàng quý 2/2023: 1.196 triệu đồng, giảm 9,7% cùng kỳ, bằng 15,9% so với kế hoạch năm 2023. Từ các khoản mục chi phí cho thấy tất cả các khoản mục đều giảm hơn cùng kỳ quý 2/năm 2022.

Tuy nhiên tổng chi phí các khoản mục bán hàng 6 tháng đầu năm 2023 cao hơn năm 2022.

**+ Chi phí quản lý:**

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 2	Lũy kê	Quý 2	Lũy kê	Quý 2-2023/2022	TH/KH	TH/2022
Chi phí nhân công	5,643.008	2,152.657	3,333.096	1,036.897	3,212.182	48.17%	18.37%	96.37%
Dụng cụ, đồ dùng	240.000	63.263	167.791	88.492	146.718	139.88%	36.87%	87.44%
Khấu hao TSCĐ	300.000	58.471	140.206	70.103	140.206	119.89%	23.37%	100.00%
Thuế, phí	675.000	153.690	325.020	427.297	598.570	278.03%	63.30%	184.16%
Chi phí dự phòng	900.000	405.000	405.000	675.000	675.000	166.67%	75.00%	166.67%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,260.992	616.789	1,097.774	680.795	1,294.307	110.38%	30.11%	117.90%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10,019.000</b>	<b>3,449.870</b>	<b>5,468.887</b>	<b>2,978.584</b>	<b>6,066.983</b>	<b>86.34%</b>	<b>29.73%</b>	<b>110.94%</b>

Tổng chi phí QL trong quý 2: 2,978 tỷ giảm 13.05% so với cùng kỳ quý 2/2022, trong đó chủ yếu tăng tại khoản mục: chi phí thuê đất và trích chi phí dự phòng nợ phải thu, còn lại các khoản mục khác đều giảm.

**+ Chi phí tài chính:**

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2022		Năm 2023		So sánh (%)		
		Quý 2	Lũy kê	Quý 2	Lũy kê	Quý 2-2023/2022	TH/KH	TH/2022
Lãi vay	750.000	157.665	320.410	97.119	180.734	61.60%	13%	56%
Chênh lệch tỷ giá		0.347	0.347	5.019	5.019	1446.40%	#DIV/0!	1446%
<b>Tổng cộng</b>	<b>750.000</b>	<b>158.012</b>	<b>320.757</b>	<b>102.138</b>	<b>185.753</b>	<b>51.38%</b>	<b>24.77%</b>	<b>57.91%</b>

Tổng chi phí tài chính quý 2/2023: 102.138 triệu đồng giảm 48,62% so với cùng kỳ 2022. Khoản chi phí lãi vay giảm do số dư nợ vay trong kỳ giảm hơn so với cùng kỳ 2022.

## II/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT QUÝ 1 NĂM 2023 CỦA HĐQT

### 1/ Thực hiện quý 2/2023:

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ không đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế vẫn đạt kế hoạch quý đề ra

Chưa thực hiện phương án tái cấu trúc công ty giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2030 trình Tập đoàn.

### Một số vấn đề khác của Công ty:

#### 1/ Về tình hình tiền lương, các chế độ cho người lao động:

- Công ty đã thực hiện tiền lương quý 2 năm 2023: Tổng quỹ lương đã thực hiện: 3,856 tỷ đồng giảm 655 triệu đồng so với quý 1 năm 2023 do: quý 2 không đạt sản lượng tiêu thụ và sản lượng sản xuất trong đó:

+ Lương quản lý : 432 triệu đồng (6 người); Lương bình quân: 24 triệu đồng/người/tháng tương đương quý 1/2023

+ Lương người lao động: 3,424 tỷ đồng (137 người); Lương bình quân: 8,331 triệu đồng/người/tháng.

+ Lương đóng BHXH: 2,940 tỷ đồng (140 người) tăng 10 người so với cùng kỳ năm 2022; Lương bình quân: 7,017 triệu đồng/người/tháng.

#### 2/ Về hàng tồn kho:

CHUNG LOẠI	GIÁ TRỊ HÀNG TỒN KHO		CHÊNH LỆCH	
	31-12-22	30-06-23	%	GIÁ TRỊ
NGUYÊN VẬT LIỆU	3,876,456,746	5,171,999,741	133%	1,295,542,995
CÔNG CỤ DỤNG CỤ	810,287,302	971,890,313	120%	161,603,011
CHI PHÍ DỄ DANG	5,944,689,137	4,424,633,209	74%	(1,520,055,928)
THÀNH PHẨM	1,464,442,294	5,530,229,303	378%	4,065,787,009
HÀNG HÓA	16,184,000	54,740,000	338%	38,556,000
HÀNG GỬI BÁN	236,897,384	343,027,128	145%	106,129,744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12,348,956,863</b>	<b>16,496,519,694</b>	<b>134%</b>	<b>4,147,562,831</b>

Tổng mức tồn kho cuối quý là 16,496 tỷ, tăng 34% so với giá trị đầu năm cho thấy mức dự trữ hàng tồn kho tăng cao chủ yếu tăng thành phẩm nhập kho trong kỳ.

#### 3/ Quản lý công nợ, các khoản phải thu

+ Các khoản phải thu ngắn hạn cuối kỳ: 13.485 tỷ đồng. Trong đó:

\* Phải thu ngắn hạn khách hàng: 12,893 tỷ đồng.

##### Phân chia theo tuổi nợ:

Từ 1-6 tháng: 66 khách hàng với công nợ: 6,588 tỷ đồng

Từ > 3 năm 12 khách hàng với công nợ: 6,305 tỷ đồng

(trong đó: đã trích lập dự phòng: 2,628 tỷ đồng)

##### Phân chia công nợ theo địa lý:

+ Chi nhánh Hà nội: 22 khách hàng - công nợ : 1,532 tỷ đồng (1 khách hàng >3 năm công nợ: 3.089.962 đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán.)

+ Xuất khẩu: 3 khách hàng- công nợ 7,186 tỷ đồng (1 khách hàng > 3 năm công nợ 5,557 tỷ trích dự phòng 1,8 tỷ đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán).

+ Nội địa tại văn phòng công ty 42 khách hàng – công nợ 3,458 tỷ đồng (2 khách hàng >3 năm công nợ 28,483 triệu đồng, còn lại đều trong hạn thanh toán)  
\* Trả trước cho người bán: 185 triệu đồng (trong đó đã lập dự phòng phải thu 3 khách hàng là: -69.543.700 đồng)

\* Phải thu khác: 3,034 tỷ đồng, trong đó:

Tạm ứng cuối kỳ : 661 triệu đồng

Ký quỹ ký cược: 10 triệu đồng

Phải thu về bảo hiểm NLD: 100 triệu đồng

Phải thu khác: 2,263 tỷ đồng (trong đó: Phải thu lương NLD: 1,444 tỷ đồng, phải thu NQL: 161 triệu đồng)

#### **D- KIẾN NGHỊ:**

- Tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước nhằm đạt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Đề nghị Người đại diện vốn, Hội đồng quản trị:

+ Thẩm định và phê duyệt kế hoạch mua sắm, dịch vụ để duy trì hoạt động thường xuyên, hoạt động sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận của Tập đoàn

+ Thẩm định và phê duyệt báo cáo đầu tư mua sắm thiết bị, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ Chỉ đạo ban điều hành tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ để duy trì hoạt động thường xuyên, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

- Bổ sung người quản trị công ty theo đúng Điều lệ của công ty.

- Bổ sung nghị quyết chọn đơn vị cung cấp nguyên vật liệu là công ty liên kết nhằm công bố thông tin theo đúng quy định.

- Về công tác Đại hội: Cần bổ sung mục tiền lương thực hiện năm trước và kế hoạch năm sau của từng TVHDQT, Ban điều hành công ty, Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

- Cần xác định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền để chốt danh sách cổ đông và thanh toán tiền cổ tức (ngày thanh toán trước 30/9/2023) và có nghị quyết để công bố thông tin đúng quy định.

- Tiếp tục bổ sung các quy chế tại các bộ phận nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản trong công ty để dễ dàng thực hiện.

- Duy trì việc xây dựng hình ảnh thương hiệu, công tác chính sách xã hội, các hoạt động của Đảng và các đoàn thể.

\* Về tình hình đơn hàng và lao động

- Do khó khăn về đơn hàng từ tháng 7/2023 nên NLD sẽ ko làm đủ 14-15 ngày công / tháng, vậy có PA ntn? hay có thể thông báo tạm hoãn HĐLĐ với NLD

#### **E- KH Quý 3/2023 BKS:**

- Giám sát việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Giám sát việc xây dựng kế hoạch và chi trả tiền lương, tiền thưởng năm 2023 cho người lao động và Người quản lý Công ty theo các quy định hiện hành;
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý 2-3, qua đó thảo luận những khó khăn và đề xuất giải pháp xử lý;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD Quý 3/2023;
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
- Giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế tại công ty như HĐ mua vật tư, HĐ bán sản phẩm trong và ngoài nước.
- Giám sát và kiểm tra chi phí kinh doanh như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp....

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát quý 2 năm 2023, kính gửi Hội đồng Quản trị xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BTGD;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**VÕ TRẦN THÚY TÂM**